| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH HẢI DƯƠNG** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 14a/2024/HS-PT

Ngày: 24/01/2024

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà*: Bà Đoàn Thị Hương Nhu.

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Hải Bằng và ông Vũ Thanh Tuấn.

-***Thư ký phiên tòa:*** Bà Phùng Thị Mai - Thư ký Tòa án.

***- Đại diện VKSND tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa***: Ông Đỗ Văn Đ - Kiểm sát viên.

Ngày 24/01/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 192/2024/TLPT-HS ngày 08/11/2023 đối với bị cáo Nguyễn Thị C, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 84/2024/HS-ST ngày 29/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

***Bị cáo kháng cáo:***

Nguyễn Thị C, sinh năm 1973, tại thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh; nơi cư trú: Tổ D, khu G, phường T, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn L và bà Bùi Thị C1; có chồng là Nguyễn Thanh H; có 02 con, lớn sinh năm 1993, nhỏ sinh năm 1997; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo: Bà Trịnh Thị D - Luật sư của Công ty L1 thuộc Đoàn luật sư thành phố H (có mặt).

***Những người tham gia tố tụng khác:***

Người làm chứng: Anh Nguyễn Văn C2, chị Lê Thị N, ông Trương Tiến Q, ông Nguyễn Hữu T, ông Nguyễn Đồng Đ1; ông Nguyễn Thanh H (đều vắng mặt).

**NHẬN THẤY:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu năm 2014, Nguyễn Thị C mở đại lý bán thức ăn gia súc cho công ty TNHH S, địa chỉ cụm C, thị trấn L, huyện C, tỉnh Hải Dương do ông Nguyễn Văn C2, sinh năm 1968, ở thôn A, xã C, huyện N, tỉnh Hải Dương là Giám đốc. Khi làm đại lý cho công ty S, C đã ký hợp đồng vay 400.000.000 đồng của ông C2 dưới hình thức nợ tiền hàng, tài sản thế chấp là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1972, ở tổ D, khu D,phường Đ, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh (ông H và C có quan hệ vợ chồng). Đến cuối năm 2014, C và ông H xảy ra mâu thuẫn, ông H yêu cầu C trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Lúc này hợp đồng vay tiền giữa C và ông C2 chưa hết thời hạn và C chưa trả được tiền nên ông C2 yêu cầu C phải thế chấp bằng tài sản khác thì mới trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H. Để thực hiện mục đích lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trả cho ông H, C đã liên hệ, cung cấp thông tin cho một người (không rõ tên, tuổi, địa chỉ) trên mạng xã hội để đặt làm 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 758445, địa chỉ: Khu Q, phường M, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh do UBND thị xã Q cấp ngày 15/5/2013 mang tên Nguyễn Thị C giả với số tiền là 10.000.000 đồng. Đầu tháng 01/2015, C cùng ông H và chị Lê Thị N là nhân viên Văn phòng Công chứng thị xã Q đến công ty TNHH S. Tại đây, C và ông C2 đã ký kết 01 hợp đồng thể hiện Chung vay của ông C2 số tiền 400.000.000 đồng và 01 hợp đồng ủy quyền với nội dung C và ông H vay số tiền 400.000.000 đồng của ông C2 trong thời hạn 01 tháng, tài sản thế chấp là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 758445 giả mang tên Nguyễn Thị C. Do sau đó C không có khả năng trả nợ cho ông C2 (vi phạm hợp đồng) nên tháng 10/2018, ông C2 mang giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 758445 đến Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh làm thủ tục chuyển nhượng mảnh đất cho người khác thì phát hiện giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là giả. Ông C2 liên hệ, yêu cầu C trả nợ (cả gốc và lãi), C thừa nhận hành vi vi phạm, đề nghị được trả nợ dần, đồng thời trả cho ông C2 100.000.000đồng. Do C không trả được nợ (cả gốc và lãi) nên ngày 23/4/2019, ông C2 làm đơn trình báo Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, vụ việc được điều tra, làm rõ. Cơ quan điều tra quản lý 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 758445, mang tên Nguyễn Thị C, sinh năm 1973, số CMTND: 101909562, địa chỉ khu phố T, phường Đ, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh; 01 Hợp đồng ủy quyền ký ngày 19/01/2015 có số công chứng 60 quyển số 01TP/CC-SCC/HĐGD; 01 Hợp đồng vay tiền ký ngày 16/01/2015 có số công chứng số 55,

quyển số 01TP/CC-SCC/HĐGD; 01 tờ giấy A4 nội dung biên bản nhận tiền do ông Nguyễn Văn C2 giao nộp.

Kết luận giám định số 02/KL-KTHS ngày 12/01/2023 của Phòng K Công an tỉnh H, kết luận: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 758445 là giả toàn phần, gồm: Phôi, hình dấu, chữ ký.

Ngày 03/12/2022, Nguyễn Thị C đã trả cho ông C2 số tiền 969.000.000 đồng gồm tiền gốc và tiền lãi tính từ tháng 01/2015 đến tháng 12/2022 theo yêu cầu của ông C2, ông C2 không có yêu cầu bồi thường gì khác.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 84/2023/HS-ST ngày 29/9/2023, Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng đã áp dụng khoản 1 Điều 341; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 38 của Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 qui định về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị C phạm tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức".

2. Về hình phạt chính: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị C 07 (Bẩy) tháng tù, thời hạn tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra bản án còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 02/10/2023, bị cáo Chung kháng cáo xin hưởng án treo và xuất trình biên lai nộp tạm ứng án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị cáo Chung vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo vì hiện nay bị cáo đang điều trị u tuyến giáp, bị cáo cũng xuất trình các phiếu xét nghiệm thể hiện tình trạng bệnh của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ của các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng về hình phạt theo hướng xử phạt bị cáo Chung 07 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

## XÉT THẤY:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (viết tắt là HĐXX) nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của bị cáo trong thời gian luật định nên hợp lệ.

[2] Về nội dung: Lời khai của bị cáo Chung tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với lời khai của những người làm chứng, kết luận giám định và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án nên HĐXX có đủ căn cứ kết luận: Đầu năm 2014, Nguyễn Thị C đã thế chấp 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên anh Nguyễn Thanh H (là chồng C) cho ông Nguyễn Văn Công C2 (là Giám đốc công ty TNHH S ở cụm C, thị trấn L, huyện C) để đảm bảo việc ông C2 cho C vay số tiền 400.000.000 đồng. Cuối năm 2014, do chưa có tiền trả cho ông C2 và muốn rút giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để trả lại cho anh H, C đã cung cấp thông tin và thuê người không quen biết làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả mang tên Nguyễn Thị C. Ngày 16/01/2015, tại công ty S, C sử dụng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả số BN 758445 mang tên Nguyễn Thị C thế chấp cho ông C2, ký kết lại hợp đồng vay 400.000.000đ, đồng thời rút giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Nguyễn Thanh H về. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo về tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo Chung xin hưởng án treo, HĐXX nhận thấy: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo đã ủng hộ quỹ phòng chống Covid 19 tại địa phương nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 07 tháng tù là có căn cứ. Tuy nhiên, sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo đã thật sự ăn năn hối cải, thể hiện ở việc bị cáo đã tự nguyện nộp tiền án phí theo như quyết định của bản án sơ thẩm, đây là tình tiết giảm nhẹ mới được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; ngoài ra bị cáo còn xuất trình các kết quả xét nghiệm thể hiện bị cáo đang bị u ác của tuyến giáp, phải điều trị. Xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú ổn định, rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, hiện đang điều trị bệnh nên không bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù cũng không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự, an toàn xã hội. Vì vậy, HĐXX chấp nhận kháng cáo của bị cáo Chung, cho bị cáo được hưởng án treo theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 65 Bộ luật hình sự.

[4] Kháng cáo của bị cáo Chung được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, HĐXX không xem xét, do đó có hiệu lực pháp luật.

***Vì các lẽ trên,***

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự;

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị C, sửa bản án hình sự sơ thẩm số 84/2023/HS-ST ngày 29/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương về hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Thị C.

Áp dụng khoản 1 Điều 341; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 và khoản 2 Điều 65 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Thị C 07 (bẩy) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 14 (mười bốn) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm về tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức".

Giao bị cáo Nguyễn Thị C cho Ủy ban nhân dân phường T, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thị C không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật từ ngày tuyên án, ngày 24/01/2024.

***Nơi nhận:***
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Sở TP tỉnh HD;
- Phòng HSNV-CA tỉnh HD;
- TAND huyện Cẩm Giàng;
- Công an huyện Cẩm Giàng;
- VKSND huyện Cẩm Giàng;
- Chi cục THADS huyện Cẩm Giàng;
- Bị cáo;
- Người bào chữa cho bị cáo;
- Lưu hồ sơ; Lưu Tòa.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Đoàn Thị Hương Nhu**